

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành đơn giá hỗ trợ chi phí đào tạo nghề đối với thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội tham gia học nghề trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Thông tư số 43/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đào tạo nghề cho các đối tượng quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 67/TTr-SLĐTBXH ngày 26/5/2021; Báo cáo số 2416/BC-STC, ngày 12/8/2021 của Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành đơn giá hỗ trợ chi phí đào tạo nghề cho Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ Quân sự, Công an, Thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ Chương trình, Dự án phát triển kinh tế - xã hội, (sau đây gọi tắt là Thanh niên có Thẻ học nghề), bao gồm các nghề như sau:

STT	Tên nghề đào tạo	Thời gian đào tạo/khóa (ngày hoặc tháng)		Tổng số giờ/ khóa đào tạo (giờ)	Số ngày thực học/khóa đào tạo (ngày)	Mức hỗ trợ chi phí (đồng)
		Ngày	Tháng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Lái xe ô tô hạng B2	92,5		588	73,5	8.850.000
2	Lái xe ô tô hạng C	140		920	115	11.730.000
3	Lái xe ô tô hạng B2 lên C	30		192	24	5.500.000
4	Nghiệp vụ pha chế đồ uống		03	360	39	8.950.000
5	Nghiệp vụ bếp Á – Âu		06	660	62	15.950.000
6	Nghiệp vụ bếp Á – Âu		03	360	35	8.450.000
7	Sửa chữa Điện và Điện lạnh ô tô		03	300	40	2.600.000
8	Hàn		03	315	40	2.600.000
9	Lái xe ô tô hạng B2 lên D	52		336	42	6.000.000
10	Lái xe ô tô hạng C lên D	30		192	66	5.500.000
11	Lái xe ô tô hạng C lên E	52		336	42	6.000.000
12	Lái xe ô tô hạng D lên E	30		192	66	5.500.000

Điều 2. Hiệu lực áp dụng hỗ trợ đào tạo

1. Thời điểm áp dụng đơn giá hỗ trợ chi phí đào tạo nghề cho Thanh niên có thể học nghề thực hiện đối với các lớp khai giảng từ ngày 01/01/2021. Riêng các nghề đào tạo từ số thứ tự 6, 7, 8, 9, 10, 11,12 tại Điều 1 được áp dụng hỗ trợ chi phí đào tạo theo quy định tại Khoản 2, Điều 5 Thông tư số 43/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (kể từ ngày 01/9/2015) theo đơn giá hỗ trợ như quy định tại điều 1.

2. Đối với những nghề mà các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tuyển sinh, đào tạo trước ngày 01/01/2021 thì áp dụng Công văn số 7423/UBND-KT ngày 04/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc đơn giá đặt hàng để thanh toán kinh phí đào tạo cho thanh niên có thể học nghề.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng cho Thanh niên có Thẻ học nghề tổ chức triển khai thực hiện các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

b) Hướng dẫn các cơ quan, các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng, xây dựng kế hoạch, dự toán nhu cầu kinh phí hỗ trợ đào tạo trình

độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng cho Thanh niên có Thẻ học nghề, hàng năm; tổng hợp nhu cầu kinh phí gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để trình Ủy ban nhân dân tỉnh đưa vào dự toán ngân sách Nhà nước, xem xét quyết toán kết quả thực hiện Thẻ học nghề của Thanh niên có Thẻ học nghề tham gia học nghề tại các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng cho Thanh niên có Thẻ học nghề, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện hỗ trợ đào tạo.

d) Định kỳ 6 tháng, hàng năm tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình thực hiện, kết quả, hiệu quả đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng cho Thanh niên có Thẻ học nghề gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Sở Tài chính

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ dự toán hàng năm để tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng cho Thanh niên có Thẻ học nghề theo chính sách quy định.

b) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng cho Thanh niên có Thẻ học nghề trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; phối hợp trong việc hướng dẫn triển khai thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

3. Trách nhiệm của cơ sở Giáo dục nghề nghiệp trong thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng cho Thanh niên có Thẻ học nghề

a) Hàng năm, lập kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng cho Thanh niên có Thẻ học nghề gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Tiếp nhận Thẻ học nghề để làm cơ sở chi hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng cho Thanh niên có Thẻ học nghề; đồng thời, sử dụng Thẻ học nghề làm chứng từ thanh, quyết toán theo quy định. Tư vấn học nghề, tổ chức đào tạo nghề trình độ sơ cấp cho Thanh niên có Thẻ học nghề. Thực hiện chi hỗ trợ đào tạo nghề và bố trí việc làm cho Thanh niên có Thẻ học nghề sau tốt nghiệp.

c) Công khai minh bạch nội dung chi, chi hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng, chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại và các chế độ, chính sách cho Thanh niên có Thẻ học nghề. Hướng dẫn Thanh niên có Thẻ học nghề về hồ sơ tuyển sinh, hồ sơ thanh, quyết toán.

d) Thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời việc hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp nghề đối với Thanh niên có Thẻ học nghề theo quy định của Quyết định này.

đ) Quản lý và chịu trách nhiệm việc sử dụng kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nghề theo quy định của pháp luật.

e) Định kỳ 6 tháng (trước 30/7) và hàng năm (trước 31/01 năm sau) báo cáo kết quả thực hiện tiếp nhận Thẻ học nghề và báo cáo tổng hợp tình hình kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng cho Thanh niên có Thẻ học nghề gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo và theo dõi theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động – Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học-Công báo tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, TP, TX;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, KGVX;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT (Ch 60b)

CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị